TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 204/2025/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 219/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Thăng B**, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn 6 Lộc Thắng, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

**** Bị đơn***: Ông **Cao Duy T**, sinh năm: 1996. Địa chỉ: Thôn 10 Lộc Ngãi, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Thăng B** và ông **Cao Duy T**.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thăng B và ông Cao Duy T thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Cao Ngọc Hiếu C1, sinh ngày 23/01/2023 cho bà Nguyễn Thị Thăng B có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Cao Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thăng B và ông Cao Duy T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Bà Nguyễn Thị Thăng B phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004001 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thăng B được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí thừa.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

Nơi nhận:
- *VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 4 - Lâm Đồng;*
- *Phòng THADS khu vực 4 - Lâm Đồng;*
- *UBND phường B, tỉnh Lâm Đồng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*